

Bản án số: 345/2018/KDTM-ST.

Ngày: 28/11/2018.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hữu Cường;
2. Ông Lê Hoàng Việt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 404/2016/TLST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5244/2018/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5669/2018/QĐST-KDTM ngày 07/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Trụ sở: Đường T, phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Công S và ông Trần Quang T - đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 834/UQ-TGD.18 ngày 11/7/2018).

Địa chỉ liên lạc: Đường T, phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M.

Trụ sở: Đường C, phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trung M, sinh năm 1969 - Đại diện theo pháp luật.

Hộ khẩu thường trú: Đường T, phường T, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên lạc: Đường C, phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Trung M.

Hộ khẩu thường trú: Đường T, phường T, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên lạc: Đường T, phường T, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

3.2 Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: Đường K, phường T, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Ấp A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre.

3.3 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Ấp A, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Ngân hàng TMCP A có mặt.

Đại diện Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A, ông Hoàng Công S - Đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng A) cấp tín dụng cho Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại Dịch vụ M (gọi tắt là Công ty M) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0108/14/TD/XXXV.1 ngày 02/04/2014; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PLSĐBS-A.0108/14/TD/XXXV.1 ngày 03/04/2014; Phụ lục hợp đồng số PL.01- 0108/14/TD/XXXV.1 ngày 02/04/2014; Phụ lục hợp đồng số PL.02 - 0108/14/TD/ XXXV.1 ngày 02/04/2014, với các nội dung cụ thể như sau:

Hạn mức tín dụng tổng: 2.000.000.000 đồng; mục đích cấp hạn mức: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất: Được quy định trên Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, các Phụ lục hợp đồng và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng A; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng tổng: 12 tháng; thời hạn vay của mỗi món vay: Được ghi trên giấy nhận nợ. Đối với mục đích bổ sung vốn kinh doanh tối đa không quá 06 tháng. Đối với mục đích thanh toán L/C tối đa không quá: 04 tháng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay trên bà Nguyễn Phương T đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0108/14/BL/XXXV.1 ngày 03/04/2014, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BI 618411, số

vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00667 do UBND huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2011. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre ngày 03/04/2014 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Bến Tre ngày 03/04/2014.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo cho khoản vay, ông Nguyễn Trung M đã có Thư cam kết bảo lãnh ngày 02/4/2014 để bảo lãnh thanh toán đầy đủ số tiền nợ vay (toàn bộ dư nợ gốc và các khoản lãi phải trả, chi phí, phí tổn cho Ngân hàng A) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng của Công ty M tại Ngân hàng A.

Ngân hàng A đã giải ngân đúng theo nội dung trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Công ty M đã thực hiện việc rút vốn vay tại Ngân hàng A theo các Giấy nhận nợ:

- + Giấy nhận nợ số 06 ngày 15/07/2014 với số tiền là 609.180.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn 7%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; ngày hết hạn thanh toán 15/01/2015. Do bị đơn không thanh toán nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Từ ngày 15/01/2015 đến ngày 16/3/2015, lãi suất quá hạn là 10,5%/năm. Ngày 16/3/2015, bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 1.030.890 đồng. Từ ngày 12/02/2015 đến ngày 04/4/2017, lãi suất áp dụng là 14,25%/năm do Công ty M không còn hưởng lãi suất ưu đãi. Từ ngày 04/4/2017 đến ngày 28/11/2018 lãi suất áp dụng là 10%/năm.

- + Giấy nhận nợ số 07 ngày 22/07/2014 với số tiền là 385.000.000; thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; ngày hết hạn thanh toán 22/01/2015. Do bị đơn không thanh toán nên ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 22/01/2015, lãi suất là 15%/năm.

- + Giấy nhận nợ số 08 ngày 09/8/2014 với số tiền là 484.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; ngày hết hạn thanh toán 09/02/2015. Do bị đơn không thanh toán nên ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 09/02/2015 với mức lãi suất 15%/năm.

- + Giấy nhận nợ số 09 ngày 17/10/2014 với số tiền là 520.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng, lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; ngày hết hạn thanh toán 17/4/2015. Do bị đơn không thanh toán nên ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 17/4/2015 với mức lãi suất 15%/năm.

Tổng số tiền Công ty M đã thực hiện rút vốn tại Ngân hàng A là: 1.998.180.000 đồng - 1.030.890 đồng = 1.997.149.110 đồng.

Tính đến ngày 28/11/2018, Công ty M còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là: 3.081.809.413 đồng, bao gồm:

- + Nợ gốc: 1.997.148.689 đồng (một tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng);

- + Nợ lãi tạm tính đến ngày 28/11/2018: 1.084.660.724 đồng.

Ngân hàng A đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn, thông báo yêu cầu khách hàng tự xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ vay.... Tuy nhiên, khách hàng đã không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức. Do đó, Ngân hàng TMCP A khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 1 yêu cầu:

Buộc Công ty M thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 28/11/2018 là: 3.081.809.413 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 1.997.148.689 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 28/11/2018: 1.084.660.724 đồng; tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại lãi suất theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng A kể từ ngày 29/11/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp Công ty M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan chức năng có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 186 thuộc tờ bản đồ số 30 diện tích 4496m², địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 618411 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2012 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Phương T và yêu cầu ông Nguyễn Trung M thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ.

- Bị đơn Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M:

Sau khi thụ lý vụ kiện, Tòa án nhân dân Quận 1 đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ trụ sở được thể hiện tại Công văn số 6007/PĐKKD-KT ngày 18/5/2016 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M phúc đáp yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân Quận 1 tại địa chỉ trụ sở bị đơn và nơi cư trú của đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Trung M. Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của bị đơn đã không đến Tòa tham gia tố tụng cũng như không có bất cứ một văn bản nào trình bày ý kiến, yêu cầu nào của mình về ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Phương T trình bày:

Bà xác nhận lời trình bày của đại diện Ngân hàng TMCP A về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản là đúng. Bà đã sử dụng tài sản của cá nhân mình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 186 thuộc tờ bản đồ số 30 diện tích 4496m², địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 618411 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2012 để bảo lãnh cho toàn bộ khoản vay (gốc và lãi phát sinh) của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M tại Ngân hàng TMCP A. Nay bà yêu cầu Công ty M phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A để bà nhận lại tài sản thế chấp nêu trên.

Trường hợp Công ty M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 1 nhận được Đơn xin hoãn phiên tòa vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1 của bà T với lý do đi công tác khẩn tại Buôn Ma thuật - Đắk Lắk và không thể về kịp nên đề nghị Hội đồng xét xử cho hoãn phiên tòa và dời xét xử sang ngày khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến tại bản khai ngày 05/10/2010 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/10/2018 như sau:

Thửa đất do bà Nguyễn Phương T thế chấp bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP A không liên quan đến bà. Bà chỉ là người ở trong căn nhà của bà T. Trong quá trình quản lý và sử dụng căn nhà bà không sửa chữa, xây dựng gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không có ý kiến gì, không biết Công ty M và ông Nguyễn Trung M là ai. Do không liên quan đến vụ án nên bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án (phiên họp, hòa giải, xét xử...). Trường hợp Công ty M không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP A thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung M:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ nơi thường trú của ông Nguyễn Trung M nhưng ông M đã không đến Tòa tham gia tố tụng cũng như không có bất cứ một văn bản nào trình bày ý kiến, yêu cầu nào của mình về ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu:

Về hình thức: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 1, Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung M vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95; 98 Luật nhà ở năm 2010;

Điều 95, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc Công ty M thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 28/11/2018 là: 3.081.809.413 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 1.997.148.689 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 28/11/2018: 1.084.660.724 đồng.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại lãi suất theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng A kể từ ngày 29/11/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp Công ty M không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan chức năng có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 186 thuộc tờ bản đồ số 30 diện tích 4496m², địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 618411 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2012 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Phương T. Nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà tài sản thế chấp đó không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Trung M tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A theo cam kết bảo lãnh ngày 02/4/2014 cho đến khi hết nợ.

Tòa đã không tiến hành hòa giải được do đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về pháp luật tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng A là ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực tín dụng, khởi kiện yêu cầu Công ty M thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty M. Mục đích vay của Công ty M là bổ sung vốn kinh doanh. Do vậy đây là tranh chấp trong kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng, đơn khởi kiện nộp trong thời hiệu khởi kiện, bị đơn là pháp nhân có quốc tịch Việt Nam, có trụ sở tại quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thụ lý. Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về sự có mặt của đại diện các bên đương sự tham gia tố tụng:

Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Hoàng Công S và ông Trần Quang T, xét hợp lệ nên chấp nhận; bị đơn - Công ty M có ông Nguyễn Trung M là đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đã vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ

thẩm. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu xin hoãn phiên tòa xét xử vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 28/11/2018 của bà Nguyễn Phương T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 27/11/2018, bà Nguyễn Phương T nộp đơn xin hoãn phiên tòa cho Tòa án với lý do đi công tác khẩn tại Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk nên không thể về kịp tham gia phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử cho hoãn phiên tòa và dời xét xử sang ngày khác nhưng bà T không chứng minh được vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thảo.

2. Về pháp luật nội dung:

Ngân hàng A được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0301412222, đăng ký lần đầu ngày 17/5/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 21/5/2018; Công ty M là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thương mại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0302067748, đăng ký lần đầu ngày 08/8/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11/11/2014. Các bản hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, hợp đồng thế chấp tài sản... được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Xét Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0108/14/TD/XXXV.1 ngày 02/04/2014; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PLSĐBS-A.0108/14/TD/XXXV.1 ngày 03/04/2014; Phụ lục hợp đồng số PL.01 – 0108/14/TD/ XXXV.1 ngày 02/04/2014; Phụ lục hợp đồng số PL.02 – 0108/14/TD/ XXXV.1 ngày 02/04/2014 có các nội dung chính: Ngân hàng A cấp cho Công ty M hạn mức tín dụng với số tiền 2.000.000.000 đồng đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động; thời hạn cho vay là tối đa không quá 06 tháng. Đối với mục đích thanh toán L/C tối đa không quá: 04 tháng. Thực hiện các hợp đồng trên, Ngân hàng A đã giải ngân và Công ty M đã ký nhận nợ vay theo 04 Giấy nhận nợ, tổng số tiền là 1.998.180.000 đồng, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ là 06 tháng, lãi suất thể hiện tại thời điểm ký cho vay là 7%/năm đối với Giấy nhận nợ số 06 ngày 15/7/2014 và 10% đối với các Giấy nhận nợ số 07 ngày 22/7/2014; Giấy nhận nợ số 08 ngày 09/8/2014; Giấy nhận nợ số 09 ngày 17/10/2014 là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm.

Trong quá trình vay, Công ty M đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 1.030.890 đồng nợ gốc. Như vậy tính đến ngày 28/11/2018 Công ty M còn nợ tổng số tiền là: 3.081.809.413 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 1.997.148.689 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 28/11/2018: 1.084.660.724 đồng,

Do Công ty M không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo các giấy nhận nợ như sau:

Giấy nhận nợ số	Số tiền nhận nợ (VND)	Tài khoản nợ vay	Ngày nhận nợ	Ngày đến hạn trả nợ	Lãi suất cho vay	Thời hạn cho vay (tháng)
06	609.180.000		15/7/2014	15/01/2015	7%/năm	06
07	385.000.000		22/7/2014	22/01/2015	10%/năm	06
08	484.000.000		09/8/2014	09/02/2015	10%/năm	06
09	520.000.000		17/10/2014	17/4/2015	10%/năm	06

Như vậy có đủ cơ sở xác định Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng mà các bên đã giao kết, gây thiệt hại cho Ngân hàng nên căn cứ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên các yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp công ty M không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng A số tiền nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 186 thuộc tờ bản đồ số 30 diện tích 4496m², địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 618411 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2012 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Phương T để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên quy định tại Điều 4 Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0108/14/TD/XXXV.1 ngày 02/04/2014 và Điều 1 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ 3 ngày 03/4/2014 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trường hợp nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà tài sản thế chấp nêu trên không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Trung M tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A theo cam kết bảo lãnh ngày 02/4/2014 cho đến khi hết nợ là phù hợp phù hợp với thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 361 Bộ luật dân sự năm 2005 nên các yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M thi hành xong nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên mà không cần phải phát mãi tài sản thế chấp, Ngân hàng TMCP A có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản và trả lại bản chính các giấy tờ liên quan đến Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186 thuộc tờ bản đồ số 30 diện tích 4496m², địa chỉ: khu phố H, thị

trần L, huyện L, tỉnh Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 618411 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2012 cho bà Nguyễn Phương T.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn công ty M phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng A theo luật định. Nguyên đơn không phải chịu.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 184; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 361 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 95; 98 Luật nhà ở năm 2010;

Điều 95, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử :

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A:

Buộc Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền: 3.081.809.413 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 1.997.148.689 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 28/11/2018: 1.084.660.724 đồng theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0108/14/TD/XXXV.1 ngày 02/04/2014; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PLSĐBS-A.0108/14/TD/XXXV.1 ngày 03/04/2014; Phụ lục hợp đồng số PL.01 - 0108/14/TD/ XXXV.1 ngày 02/04/2014; Phụ lục hợp đồng số PL.02 - 0108/14/TD/ XXXV.1 ngày 02/04/2014; Giấy nhận nợ số 06 ngày 15/7/2014; Giấy nhận nợ số 07 ngày 22/7/2014; Giấy nhận nợ số 08 ngày 09/8/2014 và Giấy nhận nợ số 09 ngày 17/10/2014; thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại lãi suất theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP A kể từ ngày 29/11/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nếu Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M thực hiện việc trả nợ đúng, đủ theo bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP A thực hiện

thủ tục xoá đăng ký thế chấp tài sản và trả lại các giấy tờ (bản gốc) liên quan đến quyền sở hữu tài sản bảo đảm gồm: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186 thuộc tờ bản đồ số 30 diện tích 4496m², địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 618411 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2012 cho bà Nguyễn Phương T và.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M không trả hoặc trả không đủ các khoản nợ như trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 186 thuộc tờ bản đồ số 30 diện tích 4496m², địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 618411 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2012 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Phương T đã được đăng ký giao dịch bảo đảm Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/07/2014 theo qui định của pháp luật thi hành án dân sự để thi hành án.

Trường hợp nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà tài sản thế chấp nêu trên không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Trung M tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng A theo cam kết bảo lãnh ngày 02/4/2014 cho đến khi hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M thi hành xong nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên mà không cần phải phát mãi tài sản thế chấp, Ngân hàng TMCP A có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản và trả lại bản chính các giấy tờ liên quan đến Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186 thuộc tờ bản đồ số 30 diện tích 4496m², địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 618411 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/11/2012 cho bà Nguyễn Phương T.

3. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M phải chịu là 93.636.188 đồng.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 39.071.569 đồng theo biên lai thu số AA/2014/0003656 ngày 29/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng TMCP A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ M, bà Nguyễn Phương T, ông Nguyễn Trung M và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.1;
- Chi cục THADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Việt Trung